

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HN**

Số: 463/2021/DS-PT

Ngày 13 -12-2021

*“V/v Tranh chấp HĐCN QSDĐ
và yêu cầu hủy GCNQSDĐ”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HN

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đ.M.H

Các Thẩm phán: Ông T.C.A;

Ông V.T.G

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông N.M.T - Thẩm tra viên TAND Thành phố HN

Đại diện VKSNDTP HN: Ông N.M.Th- Kiểm sát viên.

Ngày 13/12/2021, tại trụ sở TAND Thành Phố HN xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 322/2021/TLPT-DS ngày 04/10/2021 về: *“Tranh chấp HĐCNQSDĐ và yêu cầu hủy GCNQSDĐ”*. Do bản án dân sự sơ thẩm số 63/2021/DS-ST ngày 04/6/2021 của TAND huyện TT, HN bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 422/2021/QĐXX-PT ngày 08/11/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông B.V.C, sinh năm 1963. Trú tại: Thôn Ngọc Mạch, đội 10, Xuân Phương, quận N.T.L, HN. Có mặt;

1.2. Bà Đ.T.V.A, sinh năm 1973. Trú tại: Phường Bưởi, quận TH, HN. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh N.X.S. Trú tại: P707, B2 Chung cư CT1 AZ Vân Canh, Vân Canh, HĐ, HN. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị N.T.T, sinh năm 1983. Trú tại: Đội 6, xã Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh PT. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị T: Luật sư Mai Quỳnh Thu, Văn phòng luật sư TH, địa chỉ: Số 5A, ngõ 4, đường An Dương Vương, phường Phú Thượng, quận TH, HN. Có mặt

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Đ.Q.T, sinh năm 1981. Trú tại: Phòng 17C5, tòa nhà CP 5C Văn Khê, phường La Khê, quận HĐ, HN. Đại diện theo ủy quyền là chị N.T.T (*vợ của anh T đồng thời là bị đơn*). Có mặt chị T.

3.2. Văn phòng Công chứng N.D. Trụ sở: Số 45, Cửa Nam, HN. *Đại diện theo pháp luật:* Ông N.B.D, Trưởng Văn phòng. Vắng mặt

4. Người kháng cáo:

4.1. Bà Đ.T.V.A là nguyên đơn. Có mặt;

4.2. Chị N.T.T là bị đơn. Có mặt;

4.3. Anh Đ.Q.T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Vắng mặt đã ủy quyền toàn bộ cho chị T; chị T có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Hồ sơ vụ án sơ thẩm:

1. Nguyên đơn - Ông C, bà V.A và đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 01/10/2012, ông C - bà V.A ký Bản thỏa thuận vay vốn với chị T và anh T với nội dung: Chị T cho ông C - bà V.A vay 700.000.000 đồng với thời hạn 12 tháng, có thỏa thuận về việc trả gốc, lãi và thời hạn trả nợ. Để đảm bảo trả nợ cho số tiền vay, ngày 29/9/2012 ông C- bà V.A thỏa thuận chuyển nhượng Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 204, tờ bản đồ 12, diện tích 90m² tại xã Xuân Phương, huyện Từ Liêm, HN (*sau đây viết tắt là: thửa đất số 204*); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 740431, do UBND huyện Từ Liêm cấp ngày 28/11/2003 cho hộ gia đình ông B.V.C (*sau đây viết tắt là: GCNQSDĐ số U 740431*) với điều kiện chị T không được sử dụng tài sản này để vay vốn ngân hàng quá số tiền 700.000.000 đồng, cũng không được cầm cố, thế chấp bên ngoài hoặc chuyển nhượng cho bên thứ ba. Trong thời hạn 12 tháng, khi ông C, bà V.A trả hết nợ thì chị T phải có trách nhiệm làm thủ tục sang tên lại GCNQSDĐ số U 740431 cho ông C, bà V.A. Thực tế, ông C - bà V.A vẫn đang quản lý, sử dụng thửa đất số 204 (*có xác nhận của hàng xóm và tổ trưởng dân phố*). Trên đất hiện có một số cây cối và 01 nhà thờ liệt sĩ do ông C, bà V.A xây dựng. Thực hiện cam kết hàng tháng, ông C, bà V.A đều trả nợ đầy đủ. Ngày 05/11/2013, ông C - bà V.A trả cho chị T 300 triệu đồng, đến ngày 27/11/2013, ông bà đã trả tiếp 400 triệu đồng và đáo hạn toàn bộ khoản vay để tiếp tục vay lại chị T 700 triệu đồng như thỏa thuận ban đầu. Ngày 11/4/2014, ông C, bà V.A trả chị T 300.000.000 đồng tiền gốc và thống nhất với chị T, ông bà sẽ trả nốt 400.000.000 đồng tiền gốc sau khi nhận lại GCNQSDĐ số U 740431. Sau khi nhận 300.000.000 đồng, chị T cam kết tháng đến cuối 4/2014 sẽ làm thủ tục sang tên lại thửa đất cho ông C, bà V.A. Nhưng hết tháng 4/2014, chị T không thực hiện cam kết mà luôn lẩn tránh. Từ đó đến nay, ông C, bà V.A đã nhiều lần yêu cầu chị T thực hiện cam kết nhưng chị T không thực hiện. Chị T vi phạm bản thỏa thuận ngày 01/10/2012 và còn thế chấp quyền sử dụng thửa đất số 204 tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt để đảm bảo cho khoản vay 2.000.000.000 đồng.

Nay ông C - bà V.A yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được công chứng số 016677/2012 (*Sau đây viết tắt là: HĐCNQSDĐ số 016677/2012*) giữa ông C- bà V.A với chị T do giả tạo và hủy GCNQSDĐ số U 740431 đã đính chính tên chủ sử dụng đất là chị T. Đồng thời giải quyết hậu quả của việc hủy hợp đồng. Ngoài ra nguyên đơn còn yêu cầu chị T bồi thường do phải thuê nhà và tiền phạt do vi phạm bản thỏa thuận ngày 01/10/2012. Tuy nhiên nguyên đơn đã rút yêu cầu bồi thường.

Ông C - bà T không chấp nhận yêu cầu phản tố của chị T về việc đề nghị công nhận HĐCNQSDĐ số 016677/2012.

Đối với yêu cầu độc lập của anh T. Ông C - bà T chỉ chấp nhận trả cho anh T, chị T 400.000.000 đồng nợ gốc, không chấp nhận trả lãi suất.

2. Bị đơn - chị T có yêu cầu phản tố và trình bày: Ngày 29/9/2012, vợ chồng ông C đồng ý chuyển nhượng thửa đất số 204 cho chị theo HĐCNQSDĐ số 016677/2012 tại Văn phòng công chứng Hồ Guom. Ngày 09/10/2012, chị T đã được đính chính là chủ sử dụng tại GCNQSDĐ số U740431. Sau khi nhận chuyển nhượng, chị là người quản lý, sử dụng. Xác nhận chị- anh T và ông C - bà V.A đã ký "Bản thỏa thuận vay vốn" ngày 01/10/2012

Chị T thừa nhận đã viết văn bản "Giấy biên nhận ngày 11/4/2014 ", nhưng do ông C - bà V.A không trả 400 triệu đồng theo thỏa thuận nên chị chưa thể làm thủ tục tất toán với ngân hàng và không thể thực hiện theo nội dung văn bản là chuyển nhượng lại, đính chính GCNQSDĐ số U740431 cho ông C - bà V.A.

Ngày 21/11/2019, UBND phường Xuân Phương đã giải quyết đơn kiến nghị của chị T với sự có mặt của đại diện ủy quyền của chị T, ông C. Theo kết quả giải quyết, UBND phường đã đề nghị gia đình ông C di chuyển ra khỏi thửa đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của chị T trước ngày 10/12/2019. Tuy nhiên, gia đình ông C không thực hiện cam kết.

Ông C - bà V.A khởi kiện đối với chị tại TAND huyện TT, chị T nhất trí việc TAND huyện TT tiếp tục giải quyết vụ án. Chị không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì giao dịch giữa hai bên là tự nguyện, hợp pháp, phù hợp quy định của pháp luật; chị T đã được đính chính là chủ sử dụng thửa đất số 204 trong GCNQSDĐ số U740431. Thời điểm thỏa thuận vay vốn là sau khi các bên đã chuyển nhượng nên không phải giả tạo để che dấu thỏa thuận vay vốn. Đề nghị Tòa án công nhận HĐCNQSDĐ số 016677/2012. Trường hợp HĐCNQSDĐ số 016677/2012 bị tuyên là vô hiệu thì đề nghị Tòa án buộc ông C - bà V.A phải bồi thường hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Nhất trí với toàn bộ yêu cầu độc lập của anh T.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh T đồng thời là người có yêu cầu độc lập trình bày:

Xác nhận toàn bộ lời trình bày của chị T là đúng. Đề nghị Tòa án buộc ông C, bà V.A phải trả vợ chồng anh tổng cộng là: 1.510.881.919 đồng (*bao gồm nợ gốc là 400 triệu đồng cùng với nợ lãi và lãi phạt quá hạn tạm tính đến ngày 10/01/2021*). Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Chấp nhận yêu cầu phản tố của chị T và yêu cầu độc lập của anh; công nhận HĐCNQSDĐ số 016677/2012 có hiệu lực pháp luật.

3.2. Văn phòng công chứng N.D trình bày:

Ngày 25/9/2012, Văn phòng công chứng Hồ Gươm (*nay là Văn phòng công chứng N.D*) có ký Hợp đồng ủy quyền công chứng số 016632/2012 giữa bên ủy quyền là ông C và vợ là bà V.A (*bên A*) và bên được ủy quyền là chị T, anh T (*Bên B*). Theo nội dung ủy quyền thì bên B được nhận và bảo quản GCNQSDĐ số U740431; Được quyền chuyển nhượng và cho thuê quyền sử dụng thửa đất số 204. Việc tìm người mua, người thuê, giá cả thỏa thuận và phương thức thanh toán do bên B có toàn quyền quyết định; Bên B được nhận tiền chuyển nhượng, tiền thuê do bên nhận chuyển nhượng, bên thuê thanh toán; được quyền thế chấp quyền sử dụng thửa đất số 204.

Ngày 29/9/2012, hai bên lại đến văn phòng thỏa thuận hủy hợp đồng ủy quyền ngày 25/9/2012. Đồng thời yêu cầu Văn phòng công chứng Hồ Gươm công chứng HĐCNQSDĐ số 016677/2012 như các đương sự trình bày. Khẳng định: Việc công chứng viên công chứng HĐCNQSDĐ số 016677/2012 là đúng quy định pháp luật, tuân thủ đúng các quy định của Luật công chứng. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu hủy HĐCNQSDĐ số 016677/2012 của nguyên đơn,

Bản án sơ thẩm số 63/2021/DS-ST ngày 4/6/2021, TAND huyện TT, đã quyết định:

“Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B.V.C, bà Đ.T.V.A đối với chị N.T.T.

Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 016677/2012, quyền số 04/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 29/9/2012 giữa ông B.V.C, bà Đ.T.V.A và chị N.T.T đối với thửa số 204, tờ bản đồ số 12 diện tích 90m² tại xã Xuân Phương, huyện Từ Liêm, Thành phố HN (nay là phường Xuân Phương, quận N.T.L, Thành phố HN)

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 740431 ngày 28/11/2003 đã được UBND huyện Từ Liêm, thành phố HN cho hộ gia đình ông B.V.C đối với thửa đất số 204, tờ bản đồ số 12 diện tích 90m² tại xã Xuân Phương, huyện Từ Liêm, thành phố HN (nay là phường Xuân Phương, quận N.T.L, thành phố HN) đã được đăng ký sang tên cho chị N.T.T ngày 09/10/2012. Ông B.V.C, bà Đ.T.V.A được liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Đình chỉ yêu cầu bồi thường thiệt hại và tiền phạt của ông B.V.C và bà Đ.T.V.A đối với chị N.T.T.

Bác yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 016677/2012, quyền số 04/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 29/9/2012 ... của chị N.T.T đối với ông B.V.C, bà Đ.T.V.A.

Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của anh Đ.Q.T đối với ông B.V.C, bà Đ.T.V.A.

Buộc ông B.V.C, bà Đ.T.V.A phải thanh toán cho anh Đ.Q.T, chị N.T.T 400.000.000 đồng tiền nợ gốc và 293.500.000 đồng tiền nợ lãi. Tổng cộng 693.500.000 đồng. ...”

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án; nghĩa vụ do chậm thi hành án; quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm:

- Bà Đ.T.V.A là nguyên đơn;
- Bà N.T.T là bị đơn;
- Ông Đ.Q.T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Cùng kháng cáo Bản án sơ thẩm số 63/2021/DS-ST ngày 4/6/2021.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn là ông C – bà V.A và người đại diện theo ủy quyền; chị T là bị đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của anh T và luật sư bảo vệ quyền lợi của chị T đã tự nguyện thỏa thuận:

- Hủy HĐCNQSDĐ số 016677/2012 giữa ông B.V.C, bà Đ.T.V.A với chị N.T.T về việc chuyển nhượng thửa đất số 204, tờ bản đồ số 12 diện tích 90m² tại xã Xuân Phương, huyện Từ Liêm, HN. Vợ chồng ông B.V.C - bà Đ.T.V.A được tiếp tục quản lý sử dụng và sở hữu tài sản gắn liền trên đất đối với thửa đất số 204, tờ bản đồ số 12 diện tích 90m² tại xã Xuân Phương, Từ Liêm, HN (nay là phường Xuân Phương, quận N.T.L, HN). Vợ chồng ông C- bà V.A tự nguyện trả vợ chồng anh T - chị T tổng số tiền 693.500.000 đồng. Các bên cùng không yêu cầu phạt hợp đồng; không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

- Chị T đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của anh T đã nhận đủ 693.500.000 đồng và đã giao trả bản chính GCNQSDĐ số U 740431 được đính chính sang tên chị N.T.T ngày 09/10/2012 cho vợ chồng ông C - bà V.A ngay tại phiên tòa phúc thẩm.

- Vợ chồng ông C- bà V.A có quyền, nghĩa vụ chủ động kê khai và đề nghị cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản hoặc đính chính lại chủ sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền trên đất đối với thửa đất số 204.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa đã thỏa thuận với nhau về cách giải quyết toàn bộ vụ án; không đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết bất cứ vấn đề gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố HN phát biểu quan điểm:

- *Về tố tụng:* Hội đồng xét xử phúc thẩm; các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Người kháng cáo nộp đơn kháng cáo và Biên lai nộp tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn luật định.

- *Về nội dung:* Việc thỏa thuận cách giải quyết toàn bộ vụ án của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Sửa bản án sơ thẩm; công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra, tranh tụng công khai tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về Tố tụng:

- Căn cứ đơn khởi kiện, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, TAND huyện TT giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Người kháng cáo nộp đơn kháng cáo, biên lai nộp tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định được xác định là kháng cáo hợp lệ.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Văn phòng công chứng N.D đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Sau khi được tổng đạt bản án sơ thẩm không kháng cáo. Đã được Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành phiên tòa vắng mặt họ.

[2] Về nội dung:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa gồm: Vợ chồng ông C - bà V.A (***Nguyên đơn***); ông N.X.S (***Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn***); chị T (***Bị đơn***) đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của anh T và Luật sư bảo vệ quyền, lợi cho bị đơn đã thỏa thuận với nhau về cách giải quyết toàn bộ vụ án.

Xét thấy: Việc thỏa thuận của các đương sự có kháng cáo có mặt tại phiên tòa về cách giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

- Quan điểm điểm Kiểm sát viên tại phiên tòa là đúng quy định pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Căn cứ Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Sửa bản án sơ thẩm công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[3]. Về án phí:

3.1. Về án phí sơ thẩm:

- Ông C- bà V.A là thân nhân liệt sỹ và là thân nhân của gia đình có công với cách mạng nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm;

- Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận.

- Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền yêu cầu độc lập không được chấp nhận [1.510.881.919 đồng (*số tiền yêu cầu*) - 693.500.000 đồng (*số tiền*

được chấp nhận) = 817.381.919 đồng (số tiền không được chấp nhận)]. Nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là [36.000.000 đồng + 3% (817.381.919 đồng - 800.000.000 đồng)] = 36.521.458 (làm tròn là 36.521.000) đồng.

3.2. Án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Người đã nộp tiền tạm ứng án phí được đối trừ với nghĩa vụ án phí phải nộp.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều: 147, 148, 300 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử: Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 63/2021/DS-ST ngày 04/6/2021 của TAND huyện TT, Thành phố HN theo sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm và Quyết định cụ thể như sau:

1. Công nhận sự thỏa thuận của vợ chồng ông B.V.C - bà Đ.T.V.A với chị N.T.T đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của anh Đ.Q.T:

1.1. Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 016677/2012 ngày 29/9/2012 tại Văn phòng công chứng Hồ Gươm (nay là Văn phòng công chứng N.D) giữa vợ chồng ông B.V.C- bà Đ.T.V.A với chị N.T.T về việc chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 204, tờ bản đồ số 12 diện tích 90m² tại xã Xuân Phương, huyện Từ Liêm, HN (nay là phường Xuân Phương, quận N.T.L, HN).

1.2. Vợ chồng ông B.V.C - bà Đ.T.V.A tự nguyện trả vợ chồng anh Đ.Q.T - chị N.T.T tổng số tiền 693.500.000 đồng. Xác nhận chị N.T.T đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của anh Đ.Q.T đã nhận đủ số tiền 693.500.000 (Sáu trăm chín mươi ba triệu, năm trăm nghìn) đồng ngay tại phiên tòa phúc thẩm.

1.3. Xác nhận chị N.T.T là đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của anh Đ.Q.T đã giao trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 740431 do UBND huyện Từ Liêm, HN cấp ngày 28/11/2003; được đính chính sang tên chị N.T.T ngày 09/10/2012 cho chồng vợ ông B.V.C - bà Đ.T.V.A ngay tại phiên tòa.

2. Vợ chồng ông B.V.C- bà Đ.T.V.A được tiếp tục quản lý sử dụng và sở hữu tài sản gắn liền trên đất đối với thửa đất số 204, tờ bản đồ số 12 diện tích 90m²; tại xã Xuân Phương, huyện Từ Liêm, HN (nay là phường Xuân Phương, quận N.T.L, HN). Có quyền và nghĩa vụ chủ động mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 740431 do UBND huyện Từ Liêm, HN cấp ngày 28/11/2003; được đính chính sang tên chị N.T.T ngày 09/10/2012 đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kê khai và đề nghị cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản hoặc đính chính lại chủ sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền trên đất đối với thửa đất số 204, tờ bản đồ số 12 diện tích 90m²; tại địa chỉ: Phường Xuân Phương, quận N.T.L, Thành phố HN theo quyết định của bản án và theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

3.1. Ông B.V.C, bà Đ.T.V.A được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

3.2. Buộc N.T.T phải chịu 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận và yêu cầu phản tố đề nghị công nhận HECNQSDĐ số 016677/2012 có hiệu lực pháp luật không được chấp nhận); không

phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Được đối trừ với 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 9407 ngày 19/11/2020 và Biên lai thu tạm ứng án, phí lệ phí Tòa án số 62163 ngày 17/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT.

3.3. Buộc anh Đ.Q.T phải chịu 36.521.000 đồng án phí sơ thẩm đối với số tiền theo yêu cầu độc lập không được chấp nhận; không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Được đối trừ với 16.300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 9605 ngày 20/01/2021 và Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 62162 ngày 17/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT. Còn phải nộp tiếp 20.221.000 (*Hai mươi triệu, hai trăm hai mươi một nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 – Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều: 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tp.HN ;
- Chi cục THADS huyện TT;
- TAND huyện TT;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đ.M.H